

Báo cáo RoHS

Bản dịch tiếng Việt · Trang gốc 1/5

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM — NICER260202.0197

NICE Certification Co., Ltd. Trụ sở: tầng 3, 46 Gunpocheomdansaneop 2-ro, Gunpo-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc. TEL +82-2-6949-5424; FAX +82-31-624-3899. Biểu mẫu NICE-QG06-F01-00.

Thông tin yêu cầu

Đơn vị yêu cầu: The One Chemical International Co., Ltd.; A-2005 Heungdeok IT Valley, 13 Heungdeok 1-ro, Giheung-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, 16954 Hàn Quốc.

Thông tin mẫu do bên yêu cầu cung cấp và xác định. Tên mẫu: ECOPOSENC-AD; mã/mô tả: “-”. Ngày nhận 02/02/2026; thời gian thử 02-10/02/2026; ngày cấp 10/02/2026. Chi tiết ở các trang tiếp theo. Phụ trách kỹ thuật: Kyung Jun Choi; ô phê duyệt theo bản gốc.

Lưu ý: báo cáo chỉ dựa trên hướng dẫn/thông tin và mẫu được cung cấp, chỉ áp dụng mẫu thử, không bảo đảm chất lượng tất cả sản phẩm; không phải khuyến nghị hành động. Bên yêu cầu chịu trách nhiệm sử dụng kết quả. NICE không có nghĩa vụ báo cáo vấn đề ngoài phạm vi công việc đã thống nhất. Đây không phải kết quả thử nghiệm được KOLAS (ký ILAC-MRA) công nhận. Không được sao chép một phần nếu không có chấp thuận bằng văn bản của NICE; chỉ được sao chép đầy đủ.

Bản dịch tham khảo, không phải chứng thư do cơ quan thử nghiệm/chứng nhận cấp. Trang gốc được đính kèm ngay sau phần dịch của từng trang. Số liệu, phạm vi, thời hạn và điều kiện theo tài liệu gốc; không suy rộng thành hiệu năng ở mọi hiện trường.

TEST REPORT

No. NICER260202.0197

Page 1 of 5

Applicant : The One Chemical International Co., Ltd.
A-2005, Heungdeok IT Valley, 13, Heungdeok 1-ro, Giheung-gu,
Yongin-si, Gyeonggi-do, 16954 Korea

The sample information was submitted and identified on behalf of the applicant as :

Sample Name : ECOPOSENC-AD

Sample ID/Description : -

Date of receipt : Feb 02, 2026

Test Period : Feb 02 ~ 10, 2026

Date of issue : Feb 10, 2026

For further details, please refer to the following pages.

Approved by :



Technical Manager: Kyung Jun Choi

Note : This report is made solely on the basis of your instructions and / or information and sample(s) supplied by you and only responds to the tested sample(s) and doesn't guarantee the quality of your all products. The report is not intended to be a recommendation for any particular course of action. You are responsible for acting as you see fit on the basis of the report results. NICE Certificate is under no obligation to refer to or report upon any facts for any matters arising outside the agreed scope of the works. This test report is not the accredited test result by Korea Laboratory Accreditation Scheme, which signed the ILAC-MRA. This report shall not be reproduced except in full, without the written approval of NICE Certification Co., Ltd..

Báo cáo RoHS

Bản dịch tiếng Việt · Trang gốc 2/5

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM — NICER260202.0197

NICE Certification Co., Ltd. Trụ sở: tầng 3, 46 Gunpocheomdansaneop 2-ro, Gunpo-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc. TEL +82-2-6949-5424; FAX +82-31-624-3899. Biểu mẫu NICE-QG06-F01-00.

Kết quả PBB và PBDE

Đơn vị tất cả chỉ tiêu: mg/kg. Phương pháp: IEC 62321-6:2015, GC-MS. MDL tất cả: 20. Kết quả tất cả: N.D. (không phát hiện).

PBB (polybrominated biphenyls): mono-, di-, tri-, tetra-, penta-, hexa-, hepta-, octa-, nona-, decabromobiphenyl.

PBDE (polybrominated diphenyl ethers): mono-, di-, tri-, tetra-, penta-, hexa-, hepta-, octa-, nona-, decabromodiphenyl ether.

Mỗi nhóm gồm 10 chỉ tiêu riêng biệt theo bảng gốc. MDL = giới hạn phát hiện của phương pháp; N.D. không có nghĩa hàm lượng bằng không.

Bản dịch tham khảo, không phải chứng thư do cơ quan thử nghiệm/chứng nhận cấp. Trang gốc được đính kèm ngay sau phần dịch của từng trang. Số liệu, phạm vi, thời hạn và điều kiện theo tài liệu gốc; không suy rộng thành hiệu năng ở mọi hiện trường.

TEST REPORT

No. NICER260202.0197

Page 2 of 5

■ Result

Polybrominated biphenyls (PBBs)

Item(s)	Unit	Test Method	MDL	Result
Monobromobiphenyl	mg/kg	IEC 62321-6:2015, GC-MS.	20	N.D.
Dibromobiphenyl	mg/kg		20	N.D.
Tribromobiphenyl	mg/kg		20	N.D.
Tetrabromobiphenyl	mg/kg		20	N.D.
Pentabromobiphenyl	mg/kg		20	N.D.
Hexabromobiphenyl	mg/kg		20	N.D.
Heptabromobiphenyl	mg/kg		20	N.D.
Octabromobiphenyl	mg/kg		20	N.D.
Nonabromobiphenyl	mg/kg		20	N.D.
Decabromobiphenyl	mg/kg		20	N.D.

Polybrominated diphenyl ethers (PBDEs)

Item(s)	Unit	Test Method	MDL	Result
Monobromodiphenyl ether	mg/kg	IEC 62321-6:2015, GC-MS.	20	N.D.
Dibromodiphenyl ether	mg/kg		20	N.D.
Tribromodiphenyl ether	mg/kg		20	N.D.
Tetrabromodiphenyl ether	mg/kg		20	N.D.
Pentabromodiphenyl ether	mg/kg		20	N.D.
Hexabromodiphenyl ether	mg/kg		20	N.D.
Heptabromodiphenyl ether	mg/kg		20	N.D.
Octabromodiphenyl ether	mg/kg		20	N.D.
Nonabromodiphenyl ether	mg/kg		20	N.D.
Decabromodiphenyl ether	mg/kg		20	N.D.

Báo cáo RoHS

Bản dịch tiếng Việt · Trang gốc 3/5

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM — NICER260202.0197

NICE Certification Co., Ltd. Trụ sở: tầng 3, 46 Gunpocheomdansaneop 2-ro, Gunpo-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc. TEL +82-2-6949-5424; FAX +82-31-624-3899. Biểu mẫu NICE-QG06-F01-00.

Kết quả kim loại nặng và phthalate

Đơn vị: mg/kg; tất cả kết quả N.D. (không phát hiện).

Cadmium (Cd): IEC 62321-5:2013, ICP-OES; MDL 10.

Chì (Pb): IEC 62321-5:2013, ICP-OES; MDL 10.

Thủy ngân (Hg): IEC 62321-4:2013+AMD1:2017 CSV, ICP-OES; MDL 5.

Chromium VI (Cr6+): IEC 62321-7-2:2017, UV-VIS; MDL 1.

DIBP (diisobutyl phthalate), DBP (di-n-butyl phthalate), BBP (benzyl butyl phthalate), DEHP (di(2-ethyl hexyl) phthalate): IEC 62321-8:2017, GC-MS; MDL 50 cho từng chỉ tiêu.

MDL = giới hạn phát hiện của phương pháp; N.D. = không phát hiện; Negative = không thể phát hiện, Positive = có thể phát hiện; mg/kg = ppm (phần triệu). Người thử: Ji Hyun Park và/hoặc Eu Hyeon Na.

Bản dịch tham khảo, không phải chứng thư do cơ quan thử nghiệm/chứng nhận cấp. Trang gốc được đính kèm ngay sau phần dịch của từng trang. Số liệu, phạm vi, thời hạn và điều kiện theo tài liệu gốc; không suy rộng thành hiệu năng ở mọi hiện trường.

TEST REPORT

No. NICER260202.0197

Page 3 of 5

■ Result

Heavy metal

Item(s)	Unit	Test Method	MDL	Result
Cadmium (Cd)	mg/kg	IEC 62321-5:2013, ICP-OES.	10	N.D.
Lead (Pb)	mg/kg		10	N.D.
Mercury (Hg)	mg/kg	IEC 62321-4:2013+AMD1:2017 CSV, ICP-OES.	5	N.D.
Hexavalent Chromium (Cr ⁶⁺)	mg/kg	IEC 62321-7-2:2017, UV-VIS.	1	N.D.

Phthalate

Item(s)	Unit	Test Method	MDL	Result
Diisobutyl phthalate (DIBP)	mg/kg	IEC 62321-8:2017, GC-MS.	50	N.D.
Di-n-butyl phthalate (DBP)	mg/kg		50	N.D.
Benzyl butyl phthalate (BBP)	mg/kg		50	N.D.
Di(2-ethyl hexyl) phthalate (DEHP)	mg/kg		50	N.D.

* Note :

MDL = Method detection limit
 N.D. = Not detected
 Negative = Undetectable / Positive = Detectable
 mg/kg = ppm (part per million)
 Tested by Ji Hyun Park and(or) Eu Hyeon Na

Báo cáo RoHS

Bản dịch tiếng Việt · Trang gốc 4/5

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM — NICER260202.0197

NICE Certification Co., Ltd. Trụ sở: tầng 3, 46 Gunpocheomdansaneop 2-ro, Gunpo-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc. TEL +82-2-6949-5424; FAX +82-31-624-3899. Biểu mẫu NICE-QG06-F01-00.

Sơ đồ quy trình

PBB/PBDE: cắt/chuẩn bị mẫu → cân → chiết mẫu → cô đặc/pha loãng dung dịch chiết → lọc → GC-MS.

Cd/Pb: cắt/chuẩn bị → cân → phân hủy mẫu bằng lò vi sóng hoặc bếp gia nhiệt → hòa tan hoàn toàn → lọc → ICP-OES.

Hg: cắt/chuẩn bị → cân → phân hủy bằng lò vi sóng → hòa tan hoàn toàn → lọc → ICP-OES.

Cr6+: cắt/cân → thêm thuốc thử và hòa tan bằng siêu âm, vi sóng hoặc thiết bị gia nhiệt → điều chỉnh pH bằng axit nitric → thêm 1,5-diphenylcarbazide → điều chỉnh pH bằng axit sulfuric → UV-VIS.

Bản dịch tham khảo, không phải chứng thư do cơ quan thử nghiệm/chứng nhận cấp. Trang gốc được đính kèm ngay sau phần dịch của từng trang. Số liệu, phạm vi, thời hạn và điều kiện theo tài liệu gốc; không suy rộng thành hiệu năng ở mọi hiện trường.

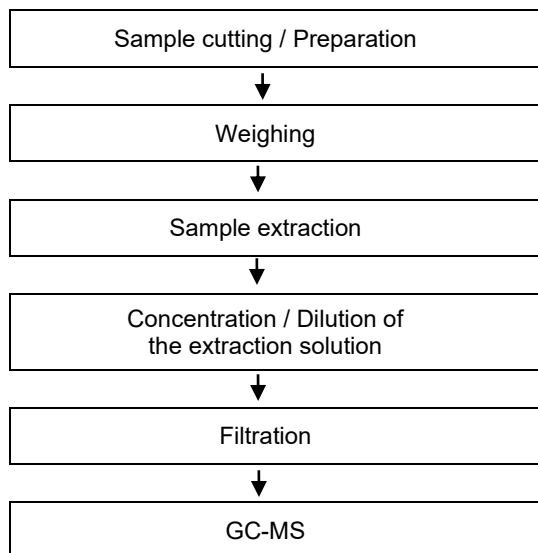
TEST REPORT

No. NICER260202.0197

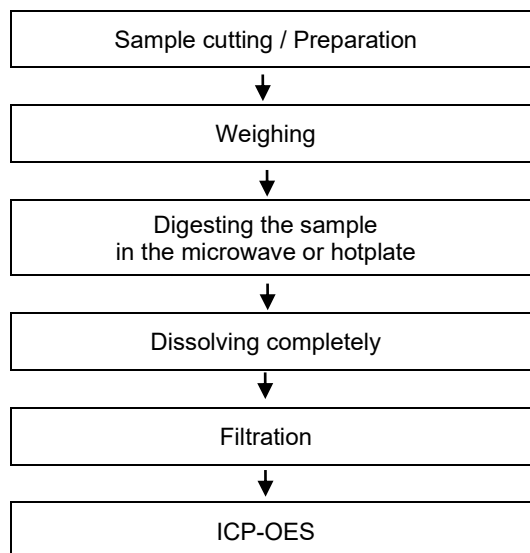
Page 4 of 5

■ Flow chart

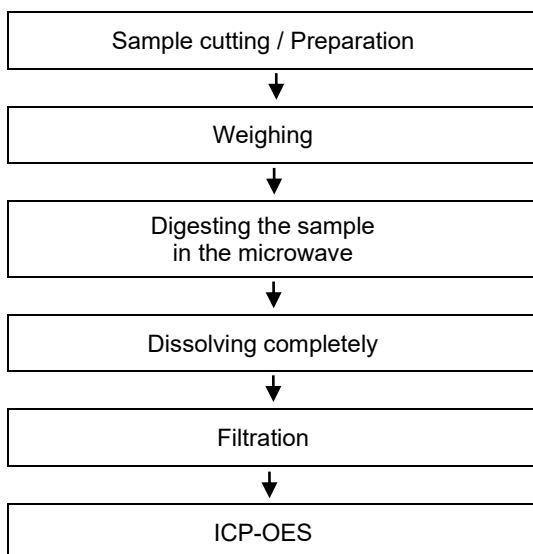
PBBs, PBDEs



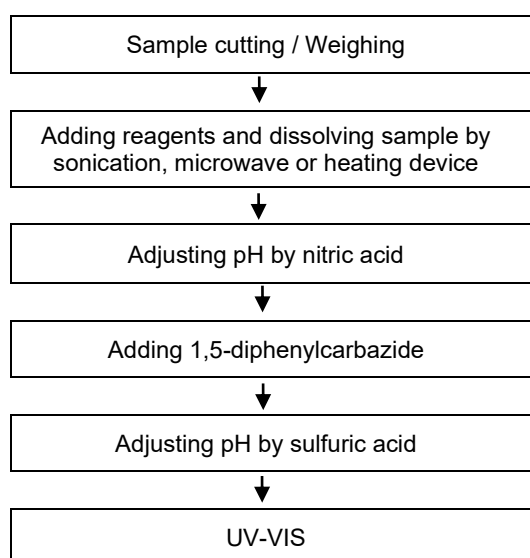
Cd, Pb



Hg



Cr⁶⁺



Báo cáo RoHS

Bản dịch tiếng Việt · Trang gốc 5/5

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM — NICER260202.0197

NICE Certification Co., Ltd. Trụ sở: tầng 3, 46 Gunpocheomdansaneop 2-ro, Gunpo-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc. TEL +82-2-6949-5424; FAX +82-31-624-3899. Biểu mẫu NICE-QG06-F01-00.

Sơ đồ quy trình phthalate

Cắt/chuẩn bị mẫu → cân → chiết mẫu → cô đặc/pha loãng dung dịch chiết → lọc → GC-MS.

KẾT THÚC.

Bản dịch tham khảo, không phải chứng thư do cơ quan thử nghiệm/chứng nhận cấp. Trang gốc được đính kèm ngay sau phần dịch của từng trang. Số liệu, phạm vi, thời hạn và điều kiện theo tài liệu gốc; không suy rộng thành hiệu năng ở mọi hiện trường.

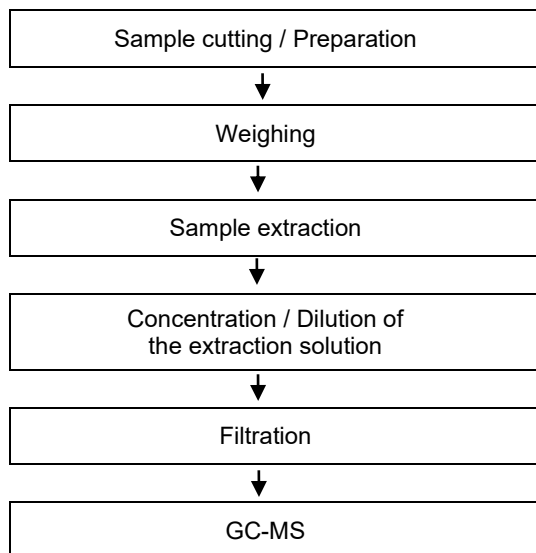
TEST REPORT

No. NICER260202.0197

Page 5 of 5

■ Flow chart

Phthalate



- E N D -